

ĐỀ SỐ 4

(Đề thi có 04 trang)

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

Introducing the Latest iPhone – Your Perfect Partner!

Are you ready for something (1)_____? The newest iPhone is here, and it's everything you need in one sleek device. (2)_____ with the latest technology, this iPhone is faster, smarter, and more stylish than ever before.

The phone features a super-fast processor, so apps load instantly, and you can multitask without any delay. Its (3)_____ lets you stay connected all day, whether you're working, chatting, or exploring new apps. The stunning edge-to-edge display offers brighter colors and sharper details, making movies and games look fantastic. Love (4)_____ photos? The new iPhone camera is better than ever! Capture your best moments with ultra-clear photos, even in low light. You can also record high-quality videos like a pro. Plus, the iPhone has advanced security features to protect your data. With Face ID, only you can unlock your phone. It's also eco-friendly, made with recycled materials (5)_____ our planet. Don't wait! Pre-order the latest iPhone today and enjoy free shipping. Visit our website or your nearest store to see why everyone is talking (6)_____ it. Upgrade now and experience the future in your hands!



(Adapted from <https://www.apple.com>)

Question 1: A. amazing B. amazed C. amazingly D. amazedly

Từ "something" được theo sau bởi một tính từ để bổ nghĩa.

"Amazingly" và "amazedly" là trạng từ, không được dùng để bổ nghĩa cho "something".

ADJ-ed: Dùng để mô tả **cảm giác hoặc trạng thái của người hoặc vật** do tác động từ bên ngoài.

ADJ-ing: Dùng để mô tả **tính chất, bản chất của người, sự việc, hoặc sự vật** gây ra cảm giác.

Question 2: A. Designed B. Designing C. To design D. Design

Câu này cần một phân từ quá khứ (past participle) để bổ nghĩa cho chủ ngữ "this iPhone".

"Designed with the latest technology" có nghĩa là "được thiết kế với công nghệ mới nhất".

Question 3: A. lasting-long battery B. long-lasting battery
C. battery long-lasting D. long- battery lasting

Tính từ ghép "long-lasting" (kéo dài lâu) được đặt trước danh từ "battery" để bổ nghĩa.

Question 4: A. having B. taking C. doing D. getting

Cụm từ: take photos: chụp hình

Question 5: A. helping B. to helping C. help D. to help

Cụm "made with recycled materials **to help** our planet" dùng "to + động từ nguyên mẫu" để chỉ mục đích.

Question 6: A. toward B. between C. about D. off

Cụm "talking about something" (nói về điều gì đó)

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Harry Potter Reboot Movie!

Join the Journey of the Harry Potter Rework Movie!

✱ Experience the World of Magic Once Again!

Step back into the magical world of Hogwarts, where courage, friendship, and adventure await. The Harry Potter reboot movie brings a fresh take to the (7)_____ story we all love. With new faces and magical (8)_____, it's a chance to see (9)_____ world of wizards like never before!

🎬 Behind the Scenes Magic!

- *Breathtaking New Scenes* – (10)_____ newly expanded locations and fresh character moments that add depth and excitement to the story.
- *Fresh Talent and Passionate Cast* – With a (11)_____ of new and familiar faces, our cast brings a powerful energy to each role, from Harry's courage to Hermione's wisdom and Ron's loyalty.
- *A Movie for All Generations* – (12)_____ whether you grew up with the books or are new to the magic, this movie invites fans of all ages to experience the wonder anew.

(Adapted from <https://www.harrypotter.com>)

Question 7: A. anxious B. iconic C. delicious D. powerful

"Iconic" (biểu tượng) phù hợp với ý nghĩa của câu văn – The Harry Potter reboot movie brings a fresh take to the **iconic** story we all love (*Bộ phim khởi động lại Harry Potter mang đến một cái nhìn mới mẻ cho câu chuyện mang tính biểu tượng mà tất cả chúng ta đều yêu thích*)

"Anxious" (lo lắng), "delicious" (ngon miệng), và "powerful" (mạnh mẽ) không phù hợp về ngữ nghĩa trong ngữ cảnh này.

Question 8: A. sceneries B. landscapes C. sights D. scenes

Trong lĩnh vực phim ảnh, "scenes" (cảnh phim) là từ chính xác để chỉ những phần của bộ phim được quay. "Sceneries" và "landscapes" thiên về nghĩa cảnh quan thiên nhiên, không phù hợp trong ngữ cảnh điện ảnh. "Sights" thường chỉ cảnh tượng, không mang nghĩa cụ thể trong phim ảnh.

Question 9: A. another B. other C. others D. the others

Other Cách dùng: "Other" được dùng như một tính từ, nghĩa là "khác". Vị trí: Đứng trước danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được.	Others Cách dùng: "Others" là đại từ, nghĩa là "những cái khác" hoặc "những người khác", khi ta không cần nhắc lại danh từ phía sau. Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.
Another Cách dùng: "Another" là một tính từ, nghĩa là "một cái khác" hoặc "một người khác". Vị trí: <u>Đứng trước danh từ số ít</u> hoặc khi ám chỉ một cái/người khác.	The others Cách dùng: "The others" là một đại từ, nghĩa là "những cái còn lại" hoặc "những người còn lại" khi muốn nói đến những cái/người đã được xác định trước. Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.

Question 10: A. Bring about B. Dive into C. Join in D. Hand down

"Dive into" (đắm mình vào) phù hợp với ngữ cảnh về trải nghiệm các cảnh quay mở rộng và những khoảnh khắc nhân vật mới.

"Bring about" (mang lại), "Join in" (tham gia), và "Hand down" (truyền lại) không đúng ngữ cảnh và ngữ nghĩa.

Question 11: A. quantity B. amount C. number D. blend

"Blend" (sự pha trộn) phù hợp với nghĩa.

"Quantity" (số lượng), "Number" (số) và "amount" (số lượng) không phù hợp về nghĩa.

Question 12: A. In spite of B. Regardless of C. Owning to D. In light of

"Regardless of" (bất kể) phù hợp để chỉ rằng dù bạn đã từng đọc truyện hay là người mới, bộ phim này đều hấp dẫn.

"In spite of" mang nghĩa "mặc dù" không phù hợp vì ngữ cảnh vì không có các câu có nghĩa đối với nhau.

"Owning to" (nhờ vào) và "In light of" (xét đến) không phù hợp về ý nghĩa trong câu này.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13: a. Andy: I really enjoyed that action scene near the end.

b. Aurora: Yeah, it was intense! The special effects were amazing.

c. Andy: The storyline was also well thought out. I didn't see that twist coming!

A. c – b – a

B. a – b – c

C. c – a – b

D. a – c – b

• a. Andy: Mình thực sự rất thích cảnh hành động gần cuối.

• b. Aurora: Đúng vậy, thật căng thẳng! Hiệu ứng đặc biệt thật tuyệt vời.

• c. Andy: Cốt truyện cũng được xây dựng rất tốt. Mình không ngờ có cú xoay chuyển đó!

Question 14: a. Lily: I think I'll play it too. It sounds interesting.

b. Lily: Wow, that's a lot! You must really like it.

c. Lucy: I've finished that game three times already!

d. Lucy: Yes! It has such a unique storyline, and the action animations are great.

e. Lucy: Yeah, you should consider it. It won't waste your time for sure!

A. c – a – e – b – d

B. a – b – e – c – d

C. a – b – c – d – e

D. c – b – d – a – e

c. Lucy: Mình đã hoàn thành trò chơi đó ba lần rồi!

b. Lily: Wow, nhiều thật đấy! Cậu chắc là rất thích nó.

d. Lucy: Đúng vậy! Nó có cốt truyện rất độc đáo và hoạt ảnh hành động rất tuyệt vời.

a. Lily: Mình nghĩ mình cũng sẽ chơi thử. Nghe thú vị quá!

e. Lucy: Đúng đó, cậu nên thử. Chắc chắn không phí thời gian đâu!

Question 15: Hi Mark,

a. The characters were so interesting, especially the main character.

b. I wanted to say thank you for recommending that film. I loved it!

c. Let's chat soon about more movie recommendations!

d. I'm thinking of watching it again with my friends.

e. The soundtrack was also incredible. It added so much emotion to each scene.

Your friend,

Emily

A. b – e – a – c – d

B. a – d – c – e – b

C. b – a – e – d – c

D. a – e – c – d – b

b. Emily: Mình muốn cảm ơn bạn vì đã giới thiệu bộ phim đó. Mình rất thích nó!

a. Các nhân vật thật thú vị, đặc biệt là nhân vật chính.

e. Nhạc nền cũng rất tuyệt vời. Nó thêm rất nhiều cảm xúc cho mỗi cảnh quay.

d. Mình đang nghĩ sẽ xem lại với bạn bè.

c. Hãy nói chuyện sớm về thêm các gợi ý phim nhé!

Question 16: a. Now, she is a famous rapper, known for her unique storytelling style.

b. Look at Blacha's journey, we can see that anyone can achieve their dreams with hard work.

c. She started by creating freestyle rap on her own and posting them online.

d. In the beginning, Blacha was just an underground rapper with nothing with her.

e. Over time, her rap songs gained popularity, and people began to notice her talent.

A. d – c – e – a – b

B. d – c – a – b – e

C. d – e – c – b – a

D. e – d – a – c – b

d. Ban đầu, Blacha chỉ là một rapper ngầm (rapper làm nhạc vì đam mê, không có được nhiều sự chú ý), không có gì trong tay.

c. Cô ấy bắt đầu bằng cách tự sáng tác rap ứng biến và đăng tải trực tuyến.

e. Qua thời gian, các bài hát rap của cô ấy trở nên nổi tiếng, và mọi người bắt đầu chú ý đến tài năng của cô ấy.

a. Bây giờ, cô ấy là một rapper nổi tiếng, được biết đến với phong cách kể chuyện độc đáo.

b. Nhìn vào hành trình của Blacha, chúng ta có thể thấy rằng bất kỳ ai cũng có thể đạt được ước mơ nếu làm việc chăm chỉ.

Question 17: a. This change has also attracted more people to watch movies, boosting local businesses as they spend money on snacks and drinks.

b. However, despite this positive change, some small towns still do not have cinemas, so people have to travel far to watch films.

c. These new cinemas have led to a 20% increase in visitors, as more people want to enjoy the latest films in comfortable seats with good sound quality.

d. Many old theaters have been replaced by modern cinemas with better screens and sound, making movie experiences more exciting.

e. The film industry has changed a lot over the past ten years, with more genres and choices for audiences.

A. e – a – d – c – b

B. d – a – c – b – e

C. e – d – a – c – b

D. e – c – a – d – b

e. Ngành công nghiệp điện ảnh đã thay đổi rất nhiều trong mười năm qua, với nhiều thể loại và lựa chọn hơn cho khán giả.

d. Nhiều rạp chiếu phim cũ đã được thay thế bằng các rạp hiện đại với màn hình và âm thanh tốt hơn, làm cho trải nghiệm xem phim trở nên thú vị hơn.

a. Sự thay đổi này cũng đã thu hút thêm nhiều người xem phim, thúc đẩy các doanh nghiệp địa phương khi họ chi tiêu cho đồ ăn nhẹ và đồ uống.

c. Những rạp chiếu phim mới này đã dẫn đến mức tăng 20% lượng khách đến, vì nhiều người muốn tận hưởng những bộ phim mới nhất trên ghế ngồi thoải mái và âm thanh chất lượng cao.

b. Tuy nhiên, mặc dù có sự thay đổi tích cực này, một số thị trấn nhỏ vẫn chưa có rạp chiếu phim, vì vậy mọi người phải đi xa để xem phim.

Read the following passage about humanoid robots and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

A 4D cinema is an exciting place to watch movies. It is different from regular cinemas because it has special effects that make you feel like you are inside the movie. In a 4D cinema, the seats move, and sometimes you feel things like wind, water, or even smells during the movie, (18)_____. For example, if there is rain in the movie, you might feel a light spray of water. If there is an action scene, (19)_____.

Many people like 4D cinemas because they make watching movies more exciting. Kids, in particular, enjoy these effects because it feels like a real adventure. (20)_____ who want to try something new and thrilling. Watching a movie in 4D can be a little expensive, (21)_____.

However, 4D cinemas are not everywhere, so some people may need to travel to a big city to find one. Some people might not like the movement and effects if they feel dizzy or uncomfortable. But for those who enjoy it, a 4D cinema makes movies unforgettable. It turns a normal movie experience into something special, (22)_____.

(Adapted from <https://www.cgv.vn>)

Question 18: **A.** which makes the movie more realistic and fun

B. in which making movie more interesting and thrilling

C. making movie slightly boring and uncomfortable

D. having made the movies less attractive but exciting

Câu sử dụng **mệnh đề quan hệ xác định** để giải thích thêm về việc trải nghiệm 4D mang lại hiệu ứng như thế nào. Từ "which" thay cho cả mệnh đề trước dấu phẩy.

B: Sai vì "in which making" là cấu trúc không chính xác (sai ngữ pháp). Sau "in which" cần một mệnh đề hoàn chỉnh.

C: Sai về ngữ nghĩa vì trải nghiệm 4D không "slightly boring and uncomfortable."

D: "having made" sai ngữ pháp và không phù hợp ngữ nghĩa.

Question 19: **A.** your seat may shake to make it feel like you are part of the action.

B. the seat will move to help the actors feel like they are in the scene.

C. the seat would start to shake so you feel as if you're inside the action.

D. your seat can move making you feel like you are the middle of the action.

If there is an action scene, (19)_____. → Về câu if có thì hiện tại đơn → phía sau cần modal verbs (ở thời hiện tại) + V0

B: Sai ngữ nghĩa ("giúp các diễn viên cảm nhận cảnh quay" không liên quan).

C: "would start" sai ngữ pháp so với về đầu

D: Sai cấu trúc vì "making" cần liên kết chính xác hơn, thiếu dấu phẩy sau "move."

Question 20: **A.** Families and friends enjoy going to 4D cinemas together

B. Many families and friends love to go to 4D cinemas for fun

C. Going to 4D cinemas is a popular activity for families and friends

D. Visiting 4D cinemas are a favorite activity for families and friends

"Going" là danh động từ, làm chủ ngữ của câu. Chủ ngữ ở số ít nên động từ "is" được sử dụng.

A và B: Sai ngữ pháp vì sau mệnh đề này là đại từ quan hệ "who", nếu điền vào sẽ sai ngữ pháp của mệnh đề quan hệ

D: Sai vì "Visiting" là present participle nhưng lại dùng động từ chính là "are"

Question 21: **A.** and people think it's worth it because it's a one-of-a-kind experience.

B. so most people say the special experience is worth paying for.

C. for most people, the unique experience makes it worth the money.

D. but most people think it's worth it for the unique experience.

"but" nối hai mệnh đề với ý nghĩa đối lập, nhấn mạnh rằng dù giá vé cao, trải nghiệm độc đáo vẫn đáng giá.

A, B, C: Các phương án này ngữ pháp đúng, nhưng không diễn đạt mạch lạc bằng phương án D.

A. và mọi người nghĩ rằng nó đáng giá vì đó là một trải nghiệm có một không hai.

B. vì vậy hầu hết mọi người đều nói rằng trải nghiệm đặc biệt này đáng được trả tiền.

C. đối với hầu hết mọi người, trải nghiệm độc đáo khiến nó đáng đồng tiền bát gạo.

D. nhưng hầu hết mọi người đều cho rằng nó xứng đáng với trải nghiệm độc đáo.

Question 22: **A.** without creating memories that people can hold onto for years.

B. giving people memories that they can remember for a long time.

C. which giving people moments they won't forget for a long time.

D. that makes people remember the forgettable memory for many years.

A. không tạo ra những ký ức mà mọi người có thể lưu giữ trong nhiều năm.

B. mang lại cho mọi người những kỷ niệm mà họ có thể nhớ rất lâu.

C. mang lại cho mọi người những khoảnh khắc mà họ sẽ không quên trong một thời gian dài.

D. điều đó khiến người ta nhớ mãi kỷ niệm đáng quên trong nhiều năm.

Đáp án B phù hợp ngữ nghĩa nhất và đúng ngữ pháp nhất (lược bỏ mệnh đề quan hệ)

Các đáp án khác sai vì:

A: Sai ngữ nghĩa.

D: sai về ngữ pháp (that không thể thay cho cả mệnh đề trước dấu phẩy)

C: Sai cấu trúc vì "which giving" không đúng về ngữ pháp.

Read the following passage about coffee and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

The lifestyle of Generation Z is shaped by technology, creativity, and a desire for individuality. This group, born between the late 1990s and early 2010s, is known for their **strong** connection to the digital world. Smartphones, social media, and apps play a key role in their daily lives. For many Gen Z individuals, staying connected online is as important as face-to-face communication. **They** use platforms like Instagram, TikTok, and YouTube to express themselves, share ideas, and build communities.

In addition to their love for technology, Gen Z values creativity and self-expression. They enjoy creating unique content, such as videos, blogs, or artwork, to share with others. This generation also cares deeply about social issues. **Many young people participate in online movements to raise awareness about topics like climate change, mental health, and equality.** Their passion for making a difference often **influences** their lifestyle choices, from what they buy to how they spend their free time.

Despite their busy online lives, Gen Z also seeks balance. They enjoy hobbies like music, sports, and exploring new cultures. Travel is especially popular, as it allows them to experience the world firsthand and share these moments online.

Overall, the Gen Z lifestyle is a mix of modern technology, creative energy, and a strong focus on personal values. They are shaping the future in unique and exciting ways, leaving a mark on the world.

(Adapted from <https://www.generation.org>)

Question 23: Which of the following is NOT mentioned as a platform used by Gen Z?

Điều nào sau đây KHÔNG được nhắc đến là một nền tảng được thế hệ Z sử dụng?

- A. Instagram B. TikTok C. Threads D. YouTube

Dẫn chứng: "They use platforms like Instagram, TikTok, and YouTube..." (Họ sử dụng các nền tảng như Instagram, TikTok và YouTube...).

Question 24: The word **strong** in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. weak B. calm C. exciting D. lifelong

Từ **strong (mạnh mẽ)** trong đoạn 1 có nghĩa trái ngược với _____.

- A. yếu
- B. bình tĩnh
- C. thú vị
- D. lâu dài

Question 25: The word **They** in paragraph 1 refers to _____.

- A. hobbies B. social movements C. Smartphones D. Gen Z individuals

Từ **They** trong đoạn 1 ám chỉ _____.

- A. sở thích
- B. phong trào xã hội
- C. điện thoại thông minh
- D. các cá nhân thuộc thế hệ Z

"They use platforms like Instagram, TikTok, and YouTube to express themselves..." (Họ sử dụng các nền tảng này...).

Question 26: The word **influences** in paragraph 2 could best be replaced by _____.

- A. affects B. purchases C. generalizes D. verifies

Từ **influences (ảnh hưởng)** trong đoạn 2 có thể thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. ảnh hưởng
- B. mua sắm
- C. tổng quát hóa
- D. xác minh

Question 27: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2?

- A.** Gen Z actively joins online campaigns to support social and environmental causes.
- B.** Online activities of Gen Z are limited to sharing personal stories and experiences.
- C.** Many Gen Z individuals raise awareness by meeting face-to-face and online campaigns.
- D.** This generation avoids discussing serious topics like mental health and climate change.

Câu 27: Điều nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân trong đoạn 2?

- A. Thế hệ Z tích cực tham gia các chiến dịch trực tuyến để ủng hộ các vấn đề xã hội và môi trường.
- B. Các hoạt động trực tuyến của thế hệ Z chỉ giới hạn trong việc chia sẻ câu chuyện và trải nghiệm cá nhân.
- C. Nhiều cá nhân thuộc thế hệ Z nâng cao nhận thức bằng cách gặp gỡ trực tiếp và tham gia các chiến dịch trực tuyến.
- D. Thế hệ này tránh thảo luận về các chủ đề nghiêm trọng như sức khỏe tâm thần và biến đổi khí hậu.

Dẫn chứng: "Many young people participate in online movements to raise awareness about topics like climate change, mental health, and equality." ("Nhiều bạn trẻ tham gia các phong trào trực tuyến nhằm nâng cao nhận thức về các chủ đề như biến đổi khí hậu, sức khỏe tâm thần và bình đẳng.")

Question 28: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A.** Gen Z prefers online communication to face-to-face conversations.
- B.** Social media platforms are not important in Gen Z's daily lives.
- C.** Gen Z enjoys creative activities like making videos and writing blogs.
- D.** Hobbies such as sports are less interesting to Gen Z compared to technology.

Câu 28: Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

- A. Thế hệ Z thích giao tiếp trực tuyến hơn giao tiếp trực tiếp.
- B. Các nền tảng mạng xã hội không quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của thế hệ Z.
- C. Thế hệ Z yêu thích các hoạt động sáng tạo như làm video và viết blog.
- D. Các sở thích như thể thao ít thú vị hơn đối với thế hệ Z so với công nghệ.

Dẫn chứng: "They enjoy creating unique content, such as videos, blogs, or artwork, to share with others."

Question 29: In which part of the passage does the writer discuss the social values of Gen Z?

Tác giả thảo luận về các giá trị xã hội của thế hệ Z trong phần nào của bài?

- A.** Paragraph 1
- B.** Paragraph 2
- C.** Paragraph 3
- D.** Paragraph 4

Dẫn chứng: "This generation also cares deeply about social issues..."

Question 30: In which part of the passage does the writer describe Gen Z's connection to hobbies?

Tác giả mô tả sự kết nối của thế hệ Z với sở thích trong phần nào của bài?

- A.** Paragraph 1
- B.** Paragraph 2
- C.** Paragraph 3
- D.** Paragraph 4

Dẫn chứng: "Despite their busy online lives, Gen Z also seeks balance. They enjoy hobbies like music, sports, and exploring new cultures."

Read the following passage about powering and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

"Đất Rừng Phương Nam," based on the novel by Đoàn Giỏi, tells the story of An, a young boy who loses his mother during the turbulent era of French colonial rule in southern Vietnam [II]. After becoming separated from his father, An sets out on a journey across the wild and untamed landscapes of the southern region, hoping to find his family and a place to belong [III]. He is a brave and fearless kid who is always ready to face challenges [III]. As he travels alone, An is taken in by kind-hearted villagers and encounters a series of colorful characters, including fishermen, hunters, and revolutionaries who are resisting colonial rule. [IV]

The film captures the **raw** beauty of the southern landscape, with **its** dense mangrove forests, winding rivers, and diverse wildlife. An learns to navigate the challenges of the wild, from fishing in the broad rivers

to facing dangerous animals like snakes and crocodiles. The forest is both a sanctuary and a threat, with its deep shadows and hidden dangers. Yet, it is also a place of wonder, where An experiences the thrill of nature's mysteries and the warmth of human connection.

Beyond his adventures, An witnesses the courage and **spirit of solidarity** of the southern people. The movie highlights their way of life—their fishing traditions, food, folk tales, and love for the land. **It also explores the theme of resistance, as the people fight against the injustices of colonial power.** Through his journey, An grows in strength and understanding, finding hope and courage despite the hardships he faces. "*Đất Rừng Phương Nam*" is a powerful tale of survival, the strength of community, and the spirit of southern Vietnam.

(Adapted from <https://www.wikipedia.org>)

Question 31: Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

"An learns survival skills from the people he meets, adapting to the challenges of the wilderness."

- A. [I]** **B. [II]** **C. [III]** **D. [IV]**

Câu 31: Ở đoạn 1, câu sau phù hợp nhất với vị trí nào?

"An learns survival skills from the people he meets, adapting to the challenges of the wilderness."

(An học các kỹ năng sinh tồn từ những người mà cậu gặp, thích nghi với những thử thách trong tự nhiên.)

Ở trước khoảng trống thứ [IV] có đề cập đến việc An được giúp đỡ bởi những người dân làng tốt bụng, từ đó ta có thể liên kết được với câu trên phù hợp nhất.

Question 32: The phrase "**spirit of solidarity**" in paragraph 3 could best be replaced by _____.

- A. a sense of danger** **B. a feeling of loneliness**
C. a strong community bond **D. a tradition of separation**

Câu 32: Cụm từ "**spirit of solidarity**" (tinh thần của sự đoàn kết) trong đoạn 3 có thể thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. cảm giác nguy hiểm
- B. cảm giác cô đơn
- C. mối quan hệ cộng đồng mạnh mẽ
- D. truyền thống chia cách

Question 33: The word "**its**" in paragraph 2 refers to _____.

- A. the film's** **B. the landscape's** **C. the beauty's** **D. the forest's**

Câu 33: Từ "**its**" trong đoạn 2 ám chỉ _____.

- A. của bộ phim
- B. của cảnh quan
- C. của vẻ đẹp
- D. của khu rừng

The film captures the raw beauty of the **southern landscape**, with **its** dense mangrove forests, winding rivers, and diverse wildlife. (Bộ phim ghi lại vẻ đẹp nguyên sơ của **phong cảnh miền Nam**, với những khu rừng ngập mặn rậm rạp, những dòng sông uốn lượn và đời sống hoang dã đa dạng.)

Question 34: According to paragraph 2, which of the following is NOT true about An's journey?

- A. He faces dangerous animals.** **B. He travels with a group of friends.**
C. He learns several survival skills. **D. He is guided by kind villagers.**

Câu 34: Theo đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG đúng về hành trình của An?

- A. Cậu đối mặt với các loài động vật nguy hiểm.
- B. Cậu đi cùng một nhóm bạn.
- C. Cậu học được nhiều kỹ năng sinh tồn.
- D. Cậu được những người dân tốt bụng hướng dẫn.

Dẫn chứng: Không có thông tin nào trong đoạn nói An đi cùng nhóm bạn, trái lại, cậu *“As travels alone.”* Còn chỉ ra An đi một mình.

Question 35: Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. An's journey teaches him about colonial power struggles.
- B. An's journey is only about exploring southern landscapes.
- C. An's journey shows the unity and traditions of southern people.
- D. An's journey is focused on dangerous animal encounters.

Câu 35: Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

- A. Hành trình của An dạy cậu về các cuộc đấu tranh quyền lực thuộc địa.
- B. Hành trình của An chỉ xoay quanh việc khám phá cảnh quan miền Nam.
- C. Hành trình của An cho thấy sự đoàn kết và truyền thống của người dân miền Nam.
- D. Hành trình của An tập trung vào việc đối mặt với các loài động vật nguy hiểm.

Beyond his adventures, An witnesses the courage and spirit of solidarity of the southern people. The movie highlights their way of life—their fishing traditions, food, folk tales, and love for the land. It also explores the theme of resistance, as the people fight against the injustices of colonial power. Through his journey, An grows in strength and understanding, finding hope and courage despite the hardships he faces. *“Đất Rừng Phương Nam”* is a powerful tale of survival, the strength of community, and the spirit of southern Vietnam. (Ngoài những chuyến phiêu lưu của mình, An còn chứng kiến lòng dũng cảm và tinh thần đoàn kết của người dân miền Nam. Bộ phim nêu bật lối sống của họ—truyền thống đánh cá, ẩm thực, truyện dân gian và tình yêu cho mảnh đất quê hương. Nó cũng khám phá chủ đề phản kháng, khi người dân đấu tranh chống lại sự bất công của ách thống trị thực dân. Qua cuộc hành trình của mình, An ngày càng có thêm sức mạnh và sự hiểu biết, tìm thấy hy vọng và lòng can đảm bất chấp những khó khăn mà anh phải đối mặt. *“Đất Rừng Phương Nam”* là câu chuyện đầy cảm hứng về sự sinh tồn, sức mạnh cộng đồng và tinh thần của miền Nam Việt Nam.)

Question 36: The word **raw** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. original
- B. artificial
- C. natural
- D. physical

Câu 36: Từ **raw** (thô, chưa qua chế biến, chưa được khai phá) trong đoạn 3 có nghĩa trái ngược với _____.

- A. nguyên bản
- B. nhân tạo
- C. tự nhiên
- D. vật lý

Question 37: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. An started his journey easily without any danger.
- B. The people of the South are united in their struggles.
- C. An avoids meeting new people during his journey.
- D. The novel focuses solely on An's family members.

Câu 37: Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

- A. An bắt đầu hành trình một cách dễ dàng mà không gặp nguy hiểm nào.
- B. Người dân miền Nam đoàn kết trong những cuộc đấu tranh của họ.
- C. An tránh gặp gỡ những người mới trong hành trình của mình.
- D. Tiểu thuyết chỉ tập trung vào các thành viên trong gia đình của An.

Dẫn chứng:

- + *Beyond his adventures, An witnesses the courage and spirit of solidarity of the southern people.*
- + *It also explores the theme of resistance, as the people fight against the injustices of colonial power.*

Question 38: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

- A. The movie explores serving the dominant of colonial power.
- B. Resistance to colonial injustice is a substitute factor in the film.
- C. The film highlights people's servitude towards colonial injustices.
- D. The film portrays resistance against the injustices of colonial rule.

Câu 38: Điều nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân trong đoạn 3?

- A. Bộ phim khám phá sự phục tùng quyền lực thực dân.
- B. Kháng chiến chống bất công thuộc địa là yếu tố phụ trong phim.
- C. Bộ phim làm nổi bật sự phục tùng của người dân trước bất công thực dân.
- D. Bộ phim khắc họa sự kháng chiến chống lại bất công của chế độ thực dân.

It also explores the theme of resistance, as the people fight against the injustices of colonial power. (Nó cũng khám phá chủ đề phản kháng, khi người dân đấu tranh chống lại sự bất công của quyền lực thực dân.)

Question 39: Which of the following can be inferred from the passage?

- A. The southern landscapes are described as both dangerous and beautiful.
- B. An is unable to adapt to life in the wilderness as he is too fragile.
- C. During the film, An's journey has no connection to colonial struggles.
- D. At the end, An finally can gather with his father and other family members.

Câu 39: Điều nào sau đây có thể suy ra từ bài đọc?

- A. Cảnh quan miền Nam vừa nguy hiểm vừa đẹp.
- B. An không thể thích nghi với cuộc sống trong tự nhiên vì cậu quá yếu đuối.
- C. Trong phim, hành trình của An không liên quan đến các cuộc đấu tranh thuộc địa.
- D. Cuối cùng, An đoàn tụ với cha và các thành viên khác trong gia đình.

Dẫn chứng: Đoạn 2 mô tả cảnh quan miền Nam vừa nguy hiểm ("hidden dangers") vừa đẹp ("raw beauty").

Question 40: Which of the following best summarises the passage?

- A. "Đất Rừng Phương Nam" is a narrative centered on the natural beauty and wildlife of southern Vietnam, highlighting its simplicity.
- B. "Đất Rừng Phương Nam" follows An's journey through southern Vietnam, highlighting survival solidarity and resistance during colonial rule.
- C. "Đất Rừng Phương Nam" explores the spirit and traditions of the southern Vietnamese people during a time of prosperity.
- D. The novel portrays a fantasy world within Vietnam's untouched forests, focusing on the wonder and mystery of nature.

Câu 40: Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài đọc?

- A. "Đất Rừng Phương Nam" là câu chuyện xoay quanh vẻ đẹp thiên nhiên và động vật hoang dã miền Nam Việt Nam, làm nổi bật sự giản dị của nó. → không chỉ xoay quanh vẻ đẹp
- B. "Đất Rừng Phương Nam" kể về hành trình của An qua miền Nam Việt Nam, làm nổi bật sự sinh tồn, đoàn kết và kháng chiến trong thời kỳ thực dân.
- C. "Đất Rừng Phương Nam" khám phá tinh thần và truyền thống của người miền Nam Việt Nam trong thời kỳ thịnh vượng. → Thiếu đi miêu tả vẻ đẹp
- D. Cuốn tiểu thuyết khắc họa thế giới kỳ ảo trong những khu rừng nguyên sinh của Việt Nam, tập trung vào sự kỳ diệu và bí ẩn của thiên nhiên. → không có cuốn tiểu thuyết nào, và đây cũng không phải là thế giới kì ảo.

----- THE END -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

